VĂN BẢN ĐẾN ĐIỆN TỬ
Số 4140 Ngày 23/09/2022

BỘ Y TẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10 /2022/TT-BYT	*Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2022*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn phương án phát triển dược liệu, phê duyệt dự án và Danh sách đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách, tổng mức đầu tư dự án, mức đầu tư của cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia vào dự án, phương án vay của từng dự án và cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia vào dự án thuộc nội dung số 2 trong Tiểu dự án 2 của Dự án 3 về Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược

liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cá nhân, hộ gia đình người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống trong vùng có điều kiện tự nhiên phù hợp để phát triển dược liệu quý cùng tham gia thực hiện dự án.

2. Thôn, bản, xã, huyện, tỉnh nơi triển khai dự án.

3. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ gia đình và các cơ sở sản xuất, kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở sản xuất, kinh doanh) triển khai hoặc tham gia vào dự án dược liệu quý hoạt động tại các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số (ưu tiên các dự án sử dụng trên 50% lao động là nữ), có cam kết hỗ trợ thu mua, sản xuất, tiêu thụ dược liệu của các dự án trên.

4. Cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện dự án dược liệu quý.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan chủ dự án thành phần dược liệu quý là Bộ Y tế.

2. Cơ quan chủ quản chương trình dược liệu quý là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án dược liệu quý được triển khai.

3. Cơ quan quản lý dự án dược liệu quý là cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ dự án dược liệu quý.

4. Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý (sau đây được viết tắt là dự án dược liệu quý) là dự án liên kết chuỗi giá trị dược liệu bao gồm Dự án vùng trồng dược liệu quý và Dự án Trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển dược liệu ứng dụng công nghệ cao (sau đây gọi tắt là Dự án Trung tâm nhân giống).

5. Liên kết chuỗi giá trị dược liệu là liên kết được thực hiện trên cơ sở hợp tác bằng văn bản giữa đơn vị chủ trì liên kết với các thành viên liên kết trong việc tổ chức thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các công đoạn từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức bảo tồn nguồn gen, chọn tạo giống, nuôi trồng, thu

hoạch, sơ chế, chế biến, sản xuất, bảo quản gắn với tiêu thụ dược liệu.

6. Đơn vị chủ trì liên kết dự án dược liệu quý là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề xuất dự án, kế hoạch liên kết để hợp tác với các cá nhân, tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác để thực hiện dự án dược liệu quý hoạt động tại các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

7. Thành viên liên kết dự án dược liệu quý là các doanh nghiệp khác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ gia đình và các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động tại các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sử dụng tối thiểu 50% lao động là người dân tộc thiểu số tham gia vào dự án.

Điều 4. Nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện dự án dược liệu quý

1. Bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được quy định tại Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP) và các quy định pháp luật có liên quan về nuôi trồng, quản lý và khai thác dược liệu.

2. Phát triển dự án dược liệu quý phải gắn với bảo tồn nguồn gen dược liệu, bảo đảm các quy trình và tiêu chuẩn quản lý chất lượng.

3. Các dự án dược liệu quý triển khai trên đất rừng phải bảo đảm kết hợp bảo vệ và phát triển rừng bền vững theo quy định của pháp luật.

4. Ưu tiên lựa chọn các dự án sử dụng trên 50% lao động là nữ, dự án ứng dụng công nghệ cao và các dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn thực hiện dự án để hình thành vùng nguyên liệu.

Điều 5. Công khai thông tin và lưu giữ kết quả thực hiện dự án dược liệu quý

1. Công khai thông tin về dự án dược liệu quý thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Việc công khai thông tin về các dự án dược liệu quý bao gồm các thông tin sau:

a) Thông tin về dự án dược liệu quý bao gồm: Tên, mục tiêu, nội dung, sản

phẩm, danh sách đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách, đơn vị chủ trì liên kết, các thành viên liên kết, thời gian thực hiện, tổng mức đầu tư, mức đầu tư của cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia vào dự án, tóm tắt kết quả thực hiện dự án, được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Cơ quan quản lý dự án dược liệu quý, Cơ quan chủ quản chương trình dược liệu quý và Cơ quan chủ dự án thành phần dược liệu quý hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định hiện hành.

b) Việc truyền thông về kết quả thực hiện dự án dược liệu quý thực hiện theo quy định của Luật Báo chí và quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 15/2022/TT-BTC).

c) Địa phương triển khai dự án, Đơn vị chủ trì liên kết dự án dược liệu quý, tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ có trách nhiệm tổ chức thông tin tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng kết quả thực hiện của dự án.

3. Việc lưu giữ kết quả thực hiện dự án dược liệu quý thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương II
HƯỚNG DẪN PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN DƯỢC LIỆU QUÝ

Điều 6. Địa điểm triển khai dự án dược liệu quý

Địa điểm triển khai thực hiện dự án dược liệu quý phải đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Là huyện có xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

2. Là huyện vùng dân tộc thiểu số và miền núi có ít nhất 50% tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số.

3. Có tiềm năng phát triển các loại dược liệu quý có giá trị y tế và kinh tế cao.

4. Đối với các dự án có đề xuất triển khai trồng, phát triển Sâm Việt Nam

cần có độ cao từ 1.000 mét trở lên so với mực nước biển.

Điều 7. Diện tích triển khai dự án dược liệu quý

1. Tổng diện tích triển khai dự án vùng trồng dược liệu quý tối thiểu là 210 ha, bao gồm các khu vực: các vùng nuôi trồng dược liệu quý, khu vực nhà xưởng, cơ sở bảo quản, cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước trong hàng rào dự án. Ưu tiên hỗ trợ dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý có 30 ha ứng dụng công nghệ cao.

2. Tổng diện tích triển khai dự án Trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao tối thiểu là 50 ha bao gồm khu vực: bảo tồn, lưu giữ nguồn gen, cây đầu dòng, giống gốc, nghiên cứu chọn tạo, khảo nghiệm, sản xuất giống gốc, sản xuất giống thương phẩm, cơ sở hạ tầng, giao thông, điện, nước trong hàng rào dự án.

Điều 8. Đối tượng cây dược liệu quý

Việc lựa chọn cây dược liệu để triển khai thực hiện dự án dược liệu quý đáp ứng yêu cầu sau:

1. Thuộc danh mục dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao tại Quyết định số 3657/QĐ-BYT ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành danh mục 100 dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao để tập trung phát triển giai đoạn 2020 - 2030.

2. Phù hợp với điều kiện sinh trưởng phát triển tại địa phương, cho năng suất, chất lượng cao.

3. Ưu tiên bảo tồn phát triển cây dược liệu tại địa phương, thuộc danh mục cây dược liệu quý, hiếm, đặc hữu theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 9. Tiêu chuẩn kỹ thuật

1. Dược liệu được nuôi trồng phải đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và khai thác dược liệu tự nhiên được quy định tại Thông tư số 19/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên.

2. Cơ sở chế biến, sản xuất dược liệu phải đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc theo quy định tại Thông tư số 35/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định về Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

3. Cơ sở bảo quản dược liệu phải đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản dược liệu, vị thuốc cổ truyền quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định về

Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

4. Dự án dược liệu quý ứng dụng công nghệ cao là dự án đáp ứng tiêu chí theo Quyết định số 34/2019/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp và bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

Chương III
HƯỚNG DẪN PHÊ DUYỆT DỰ ÁN, TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, PHƯƠNG ÁN VAY CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ

Điều 10. Mẫu hồ sơ, quy trình lựa chọn và nội dung quyết định phê duyệt dự án dược liệu quý

1. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu đề xuất lựa chọn dự án. Cơ quan chủ quản chương trình có thể tham khảo các biểu mẫu được ban hành tại phụ lục của Thông tư này để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc ban hành mẫu hồ sơ, thủ tục lựa chọn dự án dược liệu quý theo quy định.

2. Quy trình lựa chọn dự án dược liệu quý được thực hiện quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

3. Nội dung quyết định phê duyệt dự án dược liệu quý phải bao gồm các nội dung quy định tại điểm d khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngoài ra bổ sung thêm Danh sách đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Nghị định số 28/2022/NĐ-CP) làm cơ sở để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo thẩm quyền.

Điều 11. Tổng mức đầu tư dự án và mức đầu tư của cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia vào dự án dược liệu quý

1. Tổng mức đầu tư dự án dược liệu quý là tổng các nguồn vốn được huy động để thực hiện các nội dung của dự án, bao gồm: vốn ngân sách nhà nước, vốn

của cơ sở sản xuất, kinh doanh (vốn của chủ trì liên kết, vốn của các thành viên liên kết), vốn tín dụng ưu đãi và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Mức đầu tư của cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia vào dự án dược liệu quý là nguồn vốn của cơ sở sản xuất, kinh doanh huy động để thực hiện các nội dung được cam kết cùng tham gia triển khai thực hiện dự án.

Điều 12. Nguyên tắc, điều kiện, nội dung, mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước cho dự án dược liệu quý

1. Nguyên tắc quản lý hoạt động hỗ trợ dự án dược liệu quý thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Dự án dược liệu quý được hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước phải đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh nơi triển khai thực hiện dự án căn cứ vào hướng dẫn của từng địa phương đề nghị được hỗ trợ theo nội dung sau đây:

a) Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu, ưu tiên hỗ trợ các dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn thực hiện dự án để hình thành vùng nguyên liệu.

b) Hỗ trợ đầu tư các khu, vùng nuôi trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường.

c) Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, đường giao thông kết nối đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước để phục vụ dự án phát triển vùng nguyên liệu.

d) Hỗ trợ kinh phí đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

đ) Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở bảo quản dược liệu quý gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học, hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nhà xưởng và thiết bị.

e) Hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ.

g) Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh.

h) Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi

trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.

i) Hỗ trợ chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

k) Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm.

l) Nhà nước hỗ trợ chi phí sản xuất giống gốc và chi phí sản xuất giống thương phẩm đối với các dự án Trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao.

4. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ thực hiện dự án dược liệu quý từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

5. Mức chi hỗ trợ cho các dự án dược liệu quý sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện theo Điều 13 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

Điều 13. Chính sách tín dụng ưu đãi

1. Chính sách tín dụng ưu đãi cho dự án dược liệu quý được thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 31 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP.

2. Phương án vay vốn, hồ sơ vay vốn, quy trình thủ tục vay vốn tín dụng ưu đãi đối với từng dự án và cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia vào dự án thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội và các quy định về tín dụng khác.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Y tế (Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền) có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện Thông tư này.

b) Thực hiện trách nhiệm của Cơ quan chủ dự án thành phần dược liệu quý theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

c) Thực hiện giám sát và đánh giá thực hiện các dự án dược liệu quý thuộc nội dung đầu tư hỗ trợ phát triển dược liệu quý theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm

2025.

d) Triển khai, hỗ trợ cho các dự án dược liệu quý ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống kết nối chuỗi giá trị dược liệu quý và sản phẩm y dược cổ truyền được truy xuất nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng; xúc tiến thương mại cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

đ) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn liên quan đến thực hiện nội dung dược liệu, truyền thông nội dung về dược liệu quý theo quy định.

2. Viện Dược liệu có trách nhiệm:

Hướng dẫn, hỗ trợ cho các địa phương nghiên cứu, khảo sát, đánh giá, xây dựng, hoàn thiện phương án phát triển vùng trồng dược liệu quý và triển khai Trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển dược liệu ứng dụng công nghệ cao.

3. Đơn vị chủ trì liên kết có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các điều khoản cam kết trong hợp đồng; bảo đảm điều kiện về cơ sở hạ tầng, nhân lực, kinh phí (từ ngân sách được cấp và kinh phí ngoài ngân sách) để thực hiện dự án.

b) Quản lý kinh phí thực hiện dự án và thực hiện quyết toán kinh phí theo quy định; chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng kinh phí, vật tư, tài sản, sản phẩm của dự án theo quy định hiện hành.

c) Tổ chức thực hiện đấu thầu mua sắm vật tư, thiết bị theo đúng quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản khác có liên quan.

d) Báo cáo tiến độ định kỳ 6 tháng theo quy định hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan liên quan, chủ trì tổ chức nghiệm thu mô hình của dự án.

đ) Đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện dự án, định kỳ 6 tháng báo cáo tiến độ theo quy định; chủ trì tổ chức nghiệm thu mô hình của dự án.

e) Báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh những vấn đề phát sinh làm ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án và kiến nghị, đề xuất giải pháp xử lý.

g) Báo cáo bằng văn bản với Cơ quan chủ quản chương trình dược liệu quý, tổng kết việc thực hiện dự án thông qua Cơ quan quản lý dự án (bản cứng và bản điện tử PDF không cài bảo mật).

h) Xây dựng kế hoạch và tổ chức nhân rộng kết quả của dự án.

4. Thành viên liên kết có trách nhiệm:

a) Phối hợp cùng đơn vị chủ trì liên kết đề xuất thực hiện dự án.

b) Tổ chức thực hiện đầy đủ các điều khoản cam kết trong hợp đồng liên

kết, bảo đảm điều kiện về cơ sở hạ tầng, nhân lực, kinh phí (từ ngân sách được cấp và kinh phí ngoài ngân sách) để thực hiện dự án.

c) Báo cáo tiến độ định kỳ 6 tháng theo quy định hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan liên quan, chủ trì tổ chức nghiệm thu mô hình của dự án.

d) Báo cáo bằng văn bản với Đơn vị chủ trì liên kết những vấn đề phát sinh làm ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án và kiến nghị, đề xuất giải pháp xử lý.

đ) Báo cáo bằng văn bản với Đơn vị chủ trì liên kết về tiến độ triển khai thực hiện Cơ quản chủ quản chương trình dược liệu quý, tổng kết việc thực hiện dự án thông qua Cơ quan quản lý dự án (bản cứng và bản điện tử PDF không cài bảo mật).

e) Quản lý tài chính, tài sản, sản phẩm của dự án theo quy định hiện hành.

Điều 15. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Y tế (Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính Phủ (để b/c);
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (công báo, cổng TTĐTCP);
- Q. Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Tổng cục;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện Dược liệu;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Hiệp hội Doanh nghiệp Dược Việt Nam;
- Hội Dược liệu Việt Nam;
- Trung ương Hội Đông y Việt Nam;
- Cổng TTĐT Bộ Y tế, Trang TTĐT Cục QL YDCT;
- Lưu: VT, PC, YDCT (05b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Xuân Tuyên

PHỤ LỤC

BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG LỰA CHỌN DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 10*/2022 /TT-BYT ngày*22 *tháng* 9 *năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

I . Biểu mẫu thành phần hồ sơ đề xuất lựa chọn dự án

Mẫu B1.1: Giấy đề nghị của Chủ trì liên kết

Mẫu B1.2: Thuyết minh dự án dược liệu quý

Mẫu B1.3: Hồ sơ năng lực của đơn vị chủ trì liên kết và các thành viên liên kết

Mẫu B1.4: Lý lịch của Chủ nhiệm dự án

Mẫu B1.5: Tóm tắt hoạt động của Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ (nếu có)

Mẫu B1.6: Phương án vay vốn của chủ trì liên kết và từng thành viên liên kết tham gia thực hiện dự án (nếu có)

Mẫu B1.7: Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết dự án

II. Biểu mẫu sử dụng trong quy trình lựa chọn dự án dược liệu quý

Mẫu B2.1: Thông báo về việc lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án dược liệu quý

Mẫu B2.2: Biên bản mở hồ sơ dự án dược liệu quý

Mẫu B2.3: Phương thức, quy trình làm việc của hội đồng lựa chọn thực hiện dự án

Mẫu B2.4: Phiếu nhận xét hồ sơ dự án dược liệu quý

Mẫu B2.5: Phiếu đánh giá hồ sơ dự án dược liệu quý

Mẫu B2.6: Báo cáo kết quả thẩm định phương án vay vốn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia dự án dược liệu quý

Mẫu B2.7: Biên bản họp hội đồng thẩm định dự án dược liệu quý

Mẫu B2.8: Quyết định đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

Chi tiết các biểu mẫu sử dụng trong quy trình lựa chọn dự án dược liệu quý:

Mẫu B1.1

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……../	*….., ngày……tháng……năm……*

GIẤY ĐỀ NGHỊ

V/v đầu tư, hỗ trợ triển khai thực hiện dự án dược liệu quý

Kính gửi: UBND tỉnh: ……

UBND huyện (quận): ……..

Chủ trì liên kết dự án (hoặc chủ đầu tư dự án):.....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Chức vụ: .....

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp……..

Địa chỉ: .....

Điện thoại: …… Fax:…… Email: .....

Căn cứ kế hoạch triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025, (*tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết*) đề nghị ..... (*tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ liên kết*):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Dự án Vùng trồng dược liệu quý hoặc Dự án Trung tâm nhân giống: *(tên dự án)*…….....

2. Địa bàn thực hiện: .....

3. Quy mô dự án .....

4. Tổng nguồn vốn (*vốn ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn của các thành viên tham gia liên kết, vốn tín dụng ưu đãi*).....

5. Thời gian thực hiện dự kiến: .....

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng trồng dược liệu……..

2. Hỗ trợ đầu tư các khu, vùng nuôi trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao ….

3. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng đường giao thông kết nối đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước ……

4. Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý …….

5. Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở bảo quản dược liệu quý .....

7. Hỗ trợ trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ.....

8. Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh.....

9. Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.....

10. Hỗ trợ chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.....

11. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm.....

12. Đối với các dự án Trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ chi phí sản xuất giống gốc, và chi phí sản xuất giống thương phẩm.....

Chi tiết các năm đề nghị đầu tư, hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm): .....

III. CAM KẾT: ..... *(tên chủ trì liên kết dự)* cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định phê duyệt đầu tư, hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO *(liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):.. ./.*

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu:

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT DỰ ÁN
(HOẶC CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN)
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu B1.2

MẪU THUYẾT MINH DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ
(Ghi cụ thể tên dự án dược liệu quý đề xuất thực hiện)

CHƯƠNG I. MỞ ĐẦU

I. GIỚI THIỆU VỀ CÁC THÀNH VIÊN LIÊN KẾT THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN

1.1. Đơn vị chủ trì liên kết dự án: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số ..... ngày cấp .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

1.2. Thành viên tham gia liên kết (*liệt kê đầy đủ các thành viên tham gia liên kết*)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại:..... Fax: .....E-mail .....

b) Tên đơn vị tham gia liên kết:.....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại:..... Fax: .....E-mail .....

c) ....(liệt kê đầy đủ các thành viên tham gia liên kết).....

1.3. Số lượng hộ gia đình tham gia liên kết (*đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết*)
- Tên chủ hộ:.....Ngày sinh.....Dân tộc .....
- Số thẻ căn cước công dân:.....ngày cấy.....nơi cấp.....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại:..... Fax: .....E-mail .....

II. MÔ TẢ SƠ BỘ THÔNG TIN DỰ ÁN
- Tên dự án:.....
- Địa điểm thực hiện triển khai dự án (*liệt kê đầy đủ các địa điểm triển khai dự án*):.....
- Tổng diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến:.....
- Tổng mức đầu tư:.....VNĐ (số tiền bằng chữ: .....đồng.)

+Vốn ngân sách nhà nước.....VNĐ

+ Vốn của chủ trì liên kết: .....VNĐ

+ Vốn của từng thành viên tham gia liên kết:.....VNĐ

+ Vốn tín dụng ưu đãi: .....VNĐ (*của chủ trì liên kết và của từng thành viên liên kết*)

+ Các nguồn vốn hợp pháp khác:.....VNĐ

- Công suất thiết kế và sản phẩm/dịch vụ cung cấp:.....

III. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng; chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển dược liệu gắn với phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, huyện nơi triển khai dự án dược liệu.

Trên cơ sở đó lựa chọn và phân tích mức độ cần thiết của dự án đối với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng trong tương lai.

IV. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

(Liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết) .....

V. MỤC TIÊU XÂY DỰNG DỰ ÁN

5.1. Mục tiêu chung

5.2. Mục tiêu cụ thể

CHƯƠNG II. ĐỊA ĐIỂM VÀ QUY MÔ THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG THỰC HIỆN DỰ ÁN

1.1. Điều kiện tự nhiên vùng thực hiện dự án

1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội vùng dự án

1.3. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội Huyện, Xã nơi triển khai dự án

II. ĐÁNH GIÁ NHU CẦU THỊ TRƯỜNG

2.1. Nhu cầu thị trường dược liệu

2.2. Tình hình phát triển cây dược liệu ở địa phương

2.3. Sản phẩm và thị trường tiêu thụ sản phẩm của dự án

III. QUY MÔ CỦA DỰ ÁN

3.1. Các hạng mục xây dựng của dự án

3.2. Bảng tính chi phí phân bổ cho các hạng mục đầu tư

IV. ĐỊA ĐIỂM, HÌNH THỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

4.1. Địa điểm xây dựng

4.2. Hình thức đầu tư

V. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO

5.1. Nhu cầu sử dụng đất

5.2. Phân tích đánh giá các yếu tố đầu vào đáp ứng nhu cầu của dự án

5.3. Các nội dung khác

CHƯƠNG III. PHÂN TÍCH QUY MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

I. PHÂN TÍCH QUY MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

II. KỸ THUẬT NHÂN GIỐNG / TRỒNG CÂY DƯỢC LIỆU THEO GACP-WHO

2.1. Khái quát về cây dược liệu (*giới thiệu về nguồn gen, nguồn gốc giống, bảo tồn lưu giữ, nguồn gen, chọn tạo giống, sản xuất giống gốc, giống thương phẩm, kỹ thuật canh tác, chăm sóc, thu hái, bảo quản...)*

2.2. Nội dung chủ yếu nuôi trồng dược liệu đạt GACP-WHO (*theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Thực*

hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên)

III. PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG TƯỚI TIÊU VÀ VƯỜN ƯƠM

3.1. Hệ thống tưới tiêu.....

3.2. Hệ thống vườn ươm.....

3.3. Hệ thống đồng ruộng.....

3.4. Hệ thống kỹ thuật, công nghệ khác (nếu có).....

IV. QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ, CHẾ BIẾN VÀ BẢO QUẢN DƯỢC LIỆU.....

4.1. Quy trình công nghệ sơ chế, chế biến sau thu hoạch.....

4.2. Quy trình công nghệ, chế biến, sản xuất dược liệu đạt GMP *(theo hướng dẫn Thông tư số 35/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định về Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc)*.....

4.3. Quy trình công nghệ bảo quản dược liệu đạt GSP *(theo hướng dẫn Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định về Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc)*.....

CHƯƠNG IV. CÁC PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. PHƯƠNG ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, TÁI ĐỊNH CƯ VÀ HỖ TRỢ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG

1.1. Chuẩn bị mặt bằng.....

1.2. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư:.....

1.3. Phương án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật .....

1.4. Giải pháp thiết kế mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật.....

1.5. Phương án tổ chức thực hiện.....

1.6. Phân đoạn thực hiện và tiến độ thực hiện, hình thức quản lý.....

1.7. Các giải pháp khác (nếu có).....

II. NỘI DUNG LIÊN KẾT CỦA DỰ ÁN

2.1. Liên kết cung cấp và sử dụng giống cây dược liệu từ dự án Trung tâm giống với dự án vùng trồng dược liệu (*thuộc dự án dược liệu quý)*

2.2. Sản phẩm dược liệu quý thực hiện liên kết: .....

2.3. Quy mô liên kết: .....

2.4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....

2.5. Hình thức liên kết: .....

2.6. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....

2.7. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

2.8. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

CHƯƠNG V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

I. GIỚI THIỆU CHUNG

II. CÁC QUY ĐỊNH VÀ CÁC HƯỚNG DẪN VỀ MÔI TRƯỜNG.

III. NHẬN DẠNG, DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG CHÍNH CỦA DỰ ÁN ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng công trình

3.2. Giai đoạn đưa dự án vào khai thác sử dụng

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN VỀ QUY MÔ, CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

V. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU MÔI TRƯỜNG

5.1. Giai đoạn xây dựng dự án

5.2. Giai đoạn đưa dự án vào khai thác sử dụng

VI. KẾT LUẬN

CHƯƠNG VI. VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN VÀ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN

I. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN.

1.1.Tổng vốn đầu tư và nguồn vốn của dự án .....

(*Các nội dung tổng mức đầu tư, chi phí xây, lắp đặt, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và dự phòng phí – giải trình các khoản đầu tư)*.....

1.2. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư của từng thành viên liên kết tham gia dự án (*vốn ngân sách nhà nước, vốn chủ trì liên kết, vốn thành viên tham gia liên kết, vốn tín dụng ưu đãi*) .....

II. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

2.1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ (*chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có*).

- Hỗ trợ cho thuê đủ môi trường rừng để triển khai dự án (*cụ thể chi tiết địa điểm, diện tích, mục đích, thời gian, phương án bảo vệ môi trường rừng,...*).....
- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (*nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...)*...
- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết *(số lượng, công trình, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, bản vẽ thiết kế, chi tiết mô tả công trình và các giấy tờ liên quan...)*.....
- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông *(chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định của Chương trình khuyến nông,...)* .....
- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn *(số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí, ...)* .....
- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm *(số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí, ...)* .....
- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...) .....
- Đối với các dự án Trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao *(số lượng, chủng loại, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng giống, dự toán chi phí sản xuất giống gốc, giống thương phẩm,....)*.....

2.2. Đối ứng của thành viên tham gia liên kết .....

2.3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ.....

a) Thời gian hỗ trợ *(chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)*.....

b) Kinh phí hỗ trợ *(chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)*.....

Tổng số kinh phí xin hỗ trợ .....

2.4. Các hồ sơ gửi kèm *(chủ trì dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết)*

III. HIỆU QUẢ VỀ MẶT KINH TẾ VÀ XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN.

3.1. Đánh giá hiệu quả về mặt kinh tế của dự án.

3.1.1. Nguồn vốn dự kiến đầu tư của dự án.

3.1.2. Dự kiến nguồn doanh thu và công suất thiết kế của dự án:

3.1.3. Các chi phí đầu vào của dự án:

3.1.4. Phương án vay vốn *(vốn vay tín dụng ưu đãi tại ngân hàng chính sách xã hội, vốn vay tại các Tổ chức tín dụng khác)*.....

3.1.5. Các thông số tài chính của dự án *(Kế hoạch hoàn trả vốn vay, Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn giản đơn, Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn có chiết khấu, Phân tích theo phương pháp hiện giá thuần – NPV, Phân tích theo tỷ suất hoàn vốn nội bộ - IRR)*.....

3.2. Tác động của dự án đối với xã hội (*Chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương*).....

CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ trì liên kết xây dựng kế hoạch, tiến độ dự kiến cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(*Chi tiết các nội dung, tiến độ thực hiện, sản phẩm và kinh phí dự kiến*)

2.1. Tổ chức thực hiện của chủ trì liên kết.

2.2. Tổ chức thực hiện của các thành viên liên kết (liệt kê tất cả của từng thành viên liên kết)

III. KIẾN NGHỊ

(*Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế*).

Ngày....tháng....năm 20...	Ngày....tháng....năm 20...
Đơn vị quản lý dự án	**Đơn vị chủ trì dự án**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu B1.3

HỒ SƠ NĂNG LỰC CỦA ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT VÀ NĂNG LỰC CỦA CÁC THÀNH VIÊN LIÊN KẾT

1. Tên tổ chức:
Năm thành lập:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax:
Email:

2. Chức năng nhiệm vụ và loại hình sản xuất, kinh doanh *(minh chứng các lĩnh vực liên quan đến dự án đề xuất)*

3. Tổng số cán bộ có trình độ từ trung cấp trở lên có chuyên môn phù hợp với nội dung dự án của tổ chức

- Tiến sỹ:
- Thạc sỹ:
- Đại học:
- Cao đẳng và trung cấp kỹ thuật:

4. Kinh nghiệm và thành tựu trong 5 năm gần nhất liên quan đến việc tiếp nhận và triển khai công nghệ của Tổ chức chủ trì liên kết và Chủ nhiệm dự án (nêu thành tựu cụ thể trong tiếp nhận, triển khai công nghệ và chỉ đạo sản xuất kinh doanh)

5. Cơ sở vật chất kỹ thuật và những lợi thế để thực hiện dự án
- Nhà xưởng, điều kiện về mặt bằng triển khai dự án:

- Thiết bị máy móc sẵn có phục vụ cho việc triển khai dự án:

6. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách) để thực hiện dự án
- Vốn tự có: ..... triệu đồng.
- Vốn vay tại Ngân hàng chính sách xã hội (nếu có).....triệu đồng.
- Vốn vay tại các tổ chức tính dụng khác:.....triệu đồng.
- Nguồn vốn khác: ..... triệu đồng.

7. Năng lực tài chính

Stt	Nội dung	Năm ____	Năm ____	Năm ____
1	*Tổng tài sản*			
2	*Tổng nợ phải trả*			
3	*Tài sản ngắn hạn*			
4	*Tổng nợ ngắn hạn*			
5	*Doanh thu*			
6	*Lợi nhuận trước thuế*			

7	*Lợi nhuận sau thuế*			
8	*Các nội dung khác (nếu có)*			

8. Các giấy tờ kèm theo chứng minh năng lực

8.1. Hồ sơ pháp lý

- Bản sao có chứng thực hoặc công chứng các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

(i) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

(ii) Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

(iii) Điều lệ của doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ chức khác.

(iv) Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của điều lệ tổ chức hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

(v) Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người làm chủ nhiệm dự án và lý lịch cá nhân chủ nhiệm dự án (Mẫu B1.4).

(vi) Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của thành viên đại diện hộ gia đình đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Bản gốc/bản chính văn bản của chủ sở hữu hoặc đại diện có thẩm quyền thực hiện quyền chủ sở hữu doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ chức khác chấp thuận/phê duyệt cho doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ chức khác vay vốn tại NHCSXH (theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ chức khác có quy định).
- Bản gốc/bản chính/bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có).

8.2. Hồ sơ về tài chính và sản xuất kinh doanh (*của chủ trì liên kết/hoặc liên danh của chủ trì liên kết*)

- Báo cáo tài chính tối thiểu 02 năm hoặc báo cáo gần nhất đối với trường hợp thành lập dưới 02 năm, gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính trong năm kế hoạch trong thời gian vay vốn.

8.3. Danh sách sử dụng lao động đến thời điểm thực hiện dự án bao gồm: Tên lao động, số CCCD, Dân tộc, Loại hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng lao động.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

THỦ TRƯỞNG

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ /THÀNH VIÊN LIÊN KẾT

DỰ ÁN

Mẫu B1.4

LÝ LỊCH CỦA CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

A. Thông tin chung về cá nhân chủ trì dự án			
Họ và tên: Ngày tháng năm sinh: Nam, nữ: Địa chỉ Điện thoại: CQ: NR: Mobile: Fax: Email: Chức vụ:			
B. Trình độ đào tạo			
1. Trình độ chuyên môn			
Học vị/học hàm: Năm nhận bằng: Chuyên ngành đào tạo: Quá trình, nơi và chuyên ngành đào tạo:			
2. Các khóa học chuyên môn khác đã hoàn thành			
Lĩnh vực: Năm: Nơi đào tạo:			
C. Kinh nghiệm về quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh và tiếp nhận, triển khai công nghệ			
Số năm kinh nghiệm: Số dự án đã chủ trì tiếp nhận và triển khai:			
TT	**Tên dự án**	**Tên tổ chức chủ trì**	**Năm bắt đầu-kết thúc**
1.			
2.			
D. Thành tựu hoạt động trong công tác tổ chức tiếp nhận, chuyển giao, triển khai công nghệ và sản xuất kinh doanh khác			

** Chủ nhiệm dự án cần đáp ứng các tiêu chí sau:*

a. Là người lao động thuộc Tổ chức chủ trì liên kết dự án.

b. Có trình độ từ cao đẳng trở lên.

c. Có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp và đang hoạt động trong lĩnh vực dược liệu, nông nghiệp.

d. Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác đối với người có trình độ đại học trở lên và ít nhất 05 năm đối với người có trình độ cao đẳng, tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

CƠ QUAN NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM DỰ ÁN
(xác nhận và đóng dấu)

CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM DỰ ÁN
(Họ tên và chữ ký)

Mẫu B1.5

TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

1. Tên tổ chức: Năm thành lập: Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:
2. Chức năng nhiệm vụ và loại hình hoạt động công nghệ hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến dự án:
3. Xác nhận về các quy trình cần hỗ trợ ứng dụng công nghệ:
4. Tổng số cán bộ có trình độ từ đại học trở lên có chuyên môn phù hợp với nội dung dự án của tổ chức: - Tiến sỹ: - Thạc sỹ: - Đại học:
5. **Kinh nghiệm và thành tựu trong 5 năm gần nhất liên quan đến các quy trình công nghệ cần chuyển giao của các cán bộ trực tiếp tham gia dự án** (nêu lĩnh vực chuyên môn, số năm kinh nghiệm, thành tựu tiếp nhận, triển khai và chỉ đạo sản xuất kinh doanh)

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu B1.6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN VAY VỐN
Tham gia Dự án dược liệu quý

Kính gửi:

- .....
- Ngân hàng Chính sách xã hội .....

I. THÔNG TIN CỦA KHÁCH HÀNG

1. Tên cơ sở sản xuất kinh doanh:.....

2. Họ và tên người đại diện: ..... Chức vụ: .....

- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: ....

- Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

3. Giấy ủy quyền (nếu có) số ..... ngày ...../.../..... của.....

4. Địa chỉ: .....

5. Điện thoại: .....

6. Mã số thuế: .....

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: .....

Do..... Cấp ngày.....

8. Quyết định thành lập số[1]: .....

9. Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư[2] số: .....

Do..... Cấp ngày .....

10. Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề[3] số: .....thời hạn còn hiệu lực (tháng, năm) .....

11. Tài khoản thanh toán số:.....tại Ngân hàng .....

12. Vốn tự có/vốn điều lệ/vốn góp: .....

II. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Khái quát tình hình sản xuất kinh doanh

a) Thông tin chung về ngành nghề sản xuất kinh doanh: .....

---

1 Đối với tổ chức được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2 Đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài.
3 Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật quy định.

b) Hiện trạng cơ sở vật chất, kỹ thuật:

- Văn phòng, chi nhánh, cửa hàng kinh doanh (diện tích, địa chỉ): .....
- Nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, địa chỉ, tình trạng hoạt động): .....
- Trang thiết bị, phương tiện, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động): .....
- Đất sản xuất (diện tích, địa chỉ): .....
- Cây trồng, vật nuôi (số lượng, giá trị): .....
- .....

2. Tóm tắt tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Tình hình tài chính đến ngày …. /…/20….:

- Vốn chủ sở hữu: ..... đồng
- Nợ phải thu: ..... đồng
- Hàng tồn kho: . ..... đồng
- Nợ phải trả: ..... đồng

Trong đó, dư nợ vay tại các tổ chức tín dụng: ..... đồng

b) Quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng

- Quan hệ tín dụng với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH)

Tổng dư nợ: ..... đồng, trong đó: nợ quá hạn: ..... đồng. Cụ thể:

+ Dư nợ chương trình .....: ..... đồng, trong đó: nợ quá hạn: ..... đồng;

+ Dư nợ chương trình .....: ..... đồng, trong đó: nợ quá hạn: ..... đồng.

- Quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác

STT	Tên Tổ chức tín dụng	Hình thức cấp tín dụng	Mục đích cấp tín dụng	Dư nợ		Nhóm nợ	Tài sản bảo đảm (loại TSBĐ, giá trị)
				VNĐ (trđ)	Ngoại tệ		

c) Kết quả sản xuất kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)

- Năm …….:

+ Tổng doanh thu: ..... đồng

+ Tổng chi phí: . ..... đồng

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp: ..... đồng

+ Lợi nhuận: . ..... đồng

- Năm …….:

+ Tổng doanh thu: ..... đồng

+ Tổng chi phí: . ..... đồng

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp: . ..... đồng

+ Lợi nhuận: . ..... đồng

3. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có: …….. lao động, trong đó: lao động là người dân tộc thiểu số là …… người (chiếm …… % tổng số lao động).

III. THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN VAY

1. Tên phương án vay vốn: . .....

- Địa điểm thực hiện phương án: .....

- Thời gian thực hiện phương án: từ tháng …../20…… đến tháng …../20…..

- Thông tin Dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý/ Dự án trung tâm nhân giống khách hàng tham gia (sau đây gọi tắt là Dự án):

+ Tên Dự án: .....

+ Địa điểm thực hiện: .....

+ Tổng vốn đầu tư: .....

+ Thời gian thực hiện:

.....

.....

.....

.....

+ Mô tả sơ lược về Dự án (sản phẩm, quy trình, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, thị trường,....): ....

+ Vai trò, vị trí của khách hàng trong Dự án: ....

+ Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: .....

2. Tóm tắt nội dung phương án vay vốn và sử dụng vốn vay

a) Phương án vay vốn tham gia Dự án dược liệu[4]

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo: .....

+ Chi phí mở rộng, cải tạo: . .....

- Mở rộng, cải tạo đất sản xuất:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo: .....

+ Chi phí mở rộng, cải tạo: . .....

---

[4] Ghi cụ thể các nội dung đầu tư bằng nguồn vốn vay NHCSXH

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

- Đầu tư cây, con giống (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

- Đầu tư khác: .....

b) Phương án sử dụng lao động

Tổng số lao động tham gia: ..... lao động, trong đó: lao động là người dân tộc thiểu số là ..... người (chiếm ..... % tổng số lao động).

c) Tổng nguồn vốn thực hiện phương án và cơ cấu nguồn vốn

Tổng nguồn vốn thực hiện phương án: .....đồng. Trong đó:

- Vốn tự có:..... ..... đồng, tỷ lệ: .....%;

- Vốn vay tại NHCSXH:..... đồng, tỷ lệ: .....%;

- Vốn vay tại các TCTD khác: ..... đồng, tỷ lệ: .....%;

- Vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có): .....đồng, tỷ lệ .....%;

- Vốn huy động khác: .....đồng, tỷ lệ: .....%.

d) Hiệu quả kinh tế của phương án *(theo số năm thực hiện phương án)*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm ...	Năm ...	.....
1	Tổng doanh thu			
2	Tổng chi phí			
	Trong đó: khấu hao			
3	Thuế TNDN			
4	Lợi nhuận			

Thời gian dự kiến hoàn vốn: tháng ...../20.....

IV. ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay để thực hiện phương án vay vốn tham gia Dự án dược liệu, cụ thể như sau:

1. Số tiền vay:.....đồng

(Bằng chữ:.....)

2. Mục đích vay: .....

3. Thời hạn vay:.....tháng.

4. Lãi suất vay:.....%/năm.

5. Trả gốc theo định kỳ:.....tháng/lần.

6. Trả lãi theo định kỳ: hằng tháng.

7. Nguồn và kế hoạch trả nợ (*theo số năm vay vốn*)

TT	Chỉ tiêu	Năm	Năm	.....
1	Nguồn từ phương án			
a	*Khấu hao*			
b	*Lợi nhuận*			
2	Nguồn khác			
3	Tổng nguồn trả nợ			

8. Dự kiến tài sản bảo đảm tiền vay

TT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị ước tính (đồng)	Giấy tờ về tài sản

V. CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp[5]; cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Ngân hàng Chính sách xã hội nếu có thay đổi các thông tin liên quan trong quá trình vay vốn.

2. Việc ký kết, thực hiện các thủ tục vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội không vi phạm quy định của pháp luật, quy định nội bộ của bên vay vốn cũng như các cam kết, thỏa thuận giữa bên vay vốn và bất kỳ chủ thể nào khác.

3. Tuân thủ các quy định về cho vay, chịu sự kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết với Ngân hàng Chính sách xã hội, sử dụng tiền vay đúng mục đích, đúng đối tượng, trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo kế hoạch.

5. Tài sản bảo đảm tiền vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện, thực hiện thủ tục công chứng, chứng thực, xác nhận và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Chính sách xã hội; phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật.

6. Tại thời điểm đề nghị vay vốn, không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài./.

....., ngày ... tháng ... năm .....

Người đại diện vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

---

[5] Bao gồm thông tin, tài liệu cung cấp tại Phương án vay vốn này và danh mục tài liệu cung cấp kèm theo.

DANH MỤC TÀI LIỆU
KÈM THEO PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

I. Hồ sơ pháp lý

1. Bản sao có chứng thực hoặc công chứng các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

b) Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

c) Điều lệ của pháp nhân hoặc văn bản pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ của pháp nhân.

d) Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của điều lệ tổ chức hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

đ) Văn bản/tài liệu hợp lệ xác định cổ đông, thành viên góp vốn (nếu có).

e) Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.

2. Bản gốc/bản chính văn bản của chủ sở hữu hoặc đại diện có thẩm quyền thực hiện quyền chủ sở hữu pháp nhân chấp thuận/phê duyệt cho pháp nhân vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội (theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ của pháp nhân có quy định).

3. Bản gốc/bản chính/bản sao có chứng thực văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật (nếu có), trong đó có nội dung ủy quyền về số tiền vay, mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn vay vốn, tài sản bảo đảm.

II. Hồ sơ về tài chính và sản xuất kinh doanh của khách hàng

1. Bản gốc/Bản chính Báo cáo tài chính nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc Báo cáo tài chính đã kiểm toán của 02 năm gần nhất; hoặc tình hình tài chính quý gần nhất hoặc Báo cáo tài chính năm gần nhất đối với trường hợp thành lập dưới 02 năm.

2. Bản sao giấy tờ về tài sản bảo đảm tiền vay.

3. Bản chính kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính trong thời gian vay vốn.

4. Bản sao Hợp đồng kinh tế giữa khách hàng với các đối tác mua, bán hàng (nếu có).

III. Bản sao hồ sơ đề xuất tham gia Dự án của khách hàng

Mẫu B1.7

BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ

Ngày ..... tháng ..... năm ..... , tại ....., ... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:
1. Tên đơn vị tham gia liên kết: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số ..... , ngày cấp: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... , Fax: ..... E-mail .....
2. Tên đơn vị tham gia liên kết: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số ..... , ngày cấp: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... , Fax: ..... E-mail .....
3. .....

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ trì liên kết như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ:

.....(tên đơn vị).

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ

2.1. Liên kết cung cấp và sử dụng giống cây dược liệu từ dự án Trung tâm giống với dự án vùng trồng dược liệu (*thuộc nội dung dược liệu)*
2.2. Sản phẩm dược liệu thực hiện liên kết: .....
2.3. Quy mô liên kết: .....
2.4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....
2.5. Hình thức liên kết: .....
2.6. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ: *(tổng các nguồn vốn được huy động của các thành viên liên kết tham gia để thực hiện dự án)*

.....đồng, trong đó:
1. Tổng vốn đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: .....đồng
- ..... (tên đơn vị tham gia liên kết): .....đồng
- ..... (tên đơn vị tham gia liên kết): .....đồng
2. Tổng vốn tự có của các bên tham gia liên kết: .....đồng
- ..... (tên đơn vị tham gia liên kết): .....đồng
- ..... (tên đơn vị tham gia liên kết): .....đồng
3. Tổng vốn vay (*vốn vay tại NHCSXH + Vốn vay tại TCTD khác*)
3.1 Vốn vay tại NHCSXH: ..... đồng
- ..... (tên đơn vị tham gia liên kết): .....đồng
- ..... (tên đơn vị tham gia liên kết): .....đồng
3.2 Vốn vay tại TCTD khác: ..... đồng
- ..... (tên đơn vị tham gia liên kết): .....đồng
- ..... (tên đơn vị tham gia liên kết): .....đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết) .....

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận .....

3. Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án dược liệu. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án dược liệu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Bản thỏa thuận này được lập thành .....bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ .....bản, chủ đầu tư dự án liên kết giữ .....bản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT	**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT	**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu B2.1

Ủy ban nhân dân huyện...	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /TB-UBND	*....., ngày tháng năm 20...*

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án dược liệu quý

Căn cứ vào kế hoạch *số...../KH-UBND ngày.....tháng.....năm....của.....(tên đơn vị ban hành kế hoạch)* về việc triển khai đầu dự án đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.....

Ủy ban nhân dân Huyện.... thông báo lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án dược liệu: (tên dự án) để các tổ chức, cá nhân biết tham gia tuyển chọn theo quy định hiện hành.

Tên dự án	Mục tiêu/Yêu cầu	Nội dung	Đối tượng, tiêu chuẩn kỹ thuật	Địa điểm, diện tích triển khai	Thời gian thực hiện

Ghi chú:

- Nội dung dự án: Nêu các nội dung chính mà dự án sẽ triển khai thực hiện.

- Đối tượng thực hiện: ghi rõ đối tượng cây dược liệu lựa chọn triển khai thực hiện và các tiêu chuẩn kỹ thuật cần đáp ứng.

- Phạm vi thực hiện: địa điểm, diện tích triển khai thực hiện ghi rõ về địa bàn triển khai dự án (xã, huyện).

Để tham gia tuyển chọn Ủy ban nhân dân Huyện....thông báo các tổ chức cá nhân tiến hành các thủ tục sau:

1. Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án dược liệu quý thực hiện theo Mục I, Phụ lục thông tư này.

2. Số lượng bộ hồ sơ: 12 bộ hồ sơ trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp); 11 bộ hồ sơ còn lại photo có dấu đỏ của đơn vị chủ trì dự án và 01 bản điện tử ghi hồ sơ trên ổ USB (dạng PDF, không cài mật khẩu).

3. Nơi nhận hồ sơ (*đơn vị được Ủy ban nhân dân Huyện giao nhiệm vụ triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu*), địa chỉ, số điện thoại liên lạc.

4. Thời gian nộp hồ sơ đề xuất dự án được gửi theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến Ủy ban nhân dân Huyện (*qua đơn vị được Ủy ban nhân dân Huyện giao nhiệm vụ triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu*). Thời hạn cuối cùng nhận hồ sơ là 17 giờ 00 ngày .... tháng....năm 2022. Các hồ sơ gửi qua đường bưu điện được tính theo dấu đến của bưu điện chậm nhất là .....ngày.....tháng.....năm 2022 (*thời hạn cuối cùng nhận hồ sơ trực tiếp và qua đường bưu điện là giống nhau*)

Ủy ban nhân dân Huyện .....trân trọng thông báo./.

Nơi nhận: **Ủy ban nhân dân huyện**

Mẫu B2.2

Ủy ban nhân dân huyện...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ

1. Tên dự án: .....
3. Địa điểm và thời gian: ....., ngày ...../..... /20...
4. Đại diện các cơ quan và tổ chức liên quan tham gia mở hồ sơ

TT	*Tên cơ quan, tổ chức*	*Họ và tên đại biểu*

5. Tình trạng của các hồ sơ đề xuất thực hiện dự án

Tình trạng của các hồ sơ đề xuất thực hiện dự án được thể hiện trong bảng sau:

TT	Tên tổ chức, cá nhân đề xuất hồ sơ thực hiện dự án dược liệu quý	Tình trạng hồ sơ		
		Nộp đúng hạn	Tính đầy đủ của Hồ sơ đề xuất	Tư cách pháp nhân
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Kết luận:
- Hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện để đưa vào xem xét đánh giá: ☐
- Hồ sơ không hợp lệ, không đủ điều kiện để đưa vào xem xét đánh giá: ☐

Các bên thống nhất và ký vào biên bản mở hồ sơ vào .....h.....phút, ngày ..../...../20....

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Họ, tên và chữ ký)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ DỰ ÁN
(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu B2.3

PHƯƠNG THỨC, QUY TRÌNH LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG LỰA CHỌN THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. Thành phần hội đồng thẩm định dự án

Thành phần hội đồng bao gồm: Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc lãnh đạo sở ban ngành theo ủy quyền và các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, ban dân tộc, nông nghiệp, y tế, xây dựng, tài nguyên môi trường, lãnh đạo Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, chuyên gia độc lập.

Cá nhân là người thuộc đơn vị chủ trì liên kết, thành viên liên kết, tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ cho dự án và cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện dự án không được tham gia Hội đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh cử các thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của Hội đồng.

II. Phương thức làm việc

1. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của hội đồng, trong đó phải có chủ tịch hội đồng.

2. Thành viên hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu do Cơ quan quản lý dự án dược liệu quý cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá theo mẫu quy định ban hành kèm theo thông tư này.

3. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.

4. Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký của hội đồng tổng hợp để hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của hội đồng. Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của hội đồng.

II. Quy trình làm việc

1. Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Hội đồng trao đổi thống nhất nguyên tắc làm việc và bầu thư ký của hội đồng.

3. Hội đồng tiến hành đánh giá các hồ sơ:

a) Các thành viên hội đồng trình bày nhận xét đánh giá hồ sơ theo các tiêu chí trong phiếu nhận xét đánh giá B2.4 tại Phụ lục này;

b) Thư ký hội đồng đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt

(nếu có) để hội đồng xem xét, tham khảo;

c) Ủy viên hội đồng là đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội đọc báo cáo thẩm định phương án vay vốn (nếu có) theo biểu B2.6;

d) Hội đồng thảo luận, đánh giá từng hồ sơ theo các tiêu chí đánh giá quy định. Trong quá trình thảo luận hội đồng có thể nêu câu hỏi đối với các thành viên hội đồng về ý kiến nhận xét;

đ) Hội đồng cho điểm theo các tiêu chí, thang điểm quy định tại các Mẫu B2.5 tại Phục lục này và bỏ phiếu đánh giá chấm điểm;

e) Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm ba (03) người là thành viên của hội đồng, trong đó có trưởng ban kiểm phiếu và hai (02) thành viên.

6. Các thư ký hành chính của hội đồng giúp ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng.

7. Hội đồng công bố công khai kết quả chấm điểm đánh giá và thông qua biên bản làm việc của hội đồng, kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ phát triển dược liệu.

8. Hội đồng thảo luận để thống nhất kiến nghị:

a) Các sản phẩm chính của dự án với những chỉ tiêu chất lượng tương ứng phải đạt;

b) Số lượng chuyên gia trong và ngoài nước cần thiết để tham gia thực hiện;

9. Thư ký hội đồng hoàn thiện biên bản làm việc theo Mẫu B2.6.

Mẫu B2.4

PHIẾU NHẬN XÉT
Hồ sơ dự án dược liệu quý

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:

2. Tên dự án:

3. Tổ chức chủ trì liên kết:

4. Thành viên tham gia liên kết:

5. Tên tổ chức hỗ trợ phát triển dược liệu (nếu có):

6. Các chỉ tiêu đánh giá - nhận xét

6.1. Năng lực kinh nghiệm của đơn vị chủ trì liên kết, và các thành viên liên kết (*Đã thực hiện dự án tương tự trong 5 năm gần đây về tính chất, quy mô, giá trị ..., đã thực hiện dự án có điều kiện địa lý tương tự, Uy tín của nhà đầu tư thông qua việc thực hiện các dự án tương tự trước đó...)*

a. Chủ trì liên kết

b. Các thành viên tham gia liên kết

6.2. Nhân sự của tham gia dự án liên kết *(đánh giá trình độ chuyên môn, năng lực kinh nghiệm của chủ nhiệm dự án, các thành viên tham gia dự án liên kết, tỷ lệ nhân sự tham gia dự án là người dân tộc thiểu số....)*

a) Nhân sự đơn vị chủ trì liên kết

b) Nhân sự của các đơn vị thành viên liên kết

c) Nhân sự tham gia dự án liên kết là hộ gia đình

6.3. Năng lực tài chính của chủ trì liên kết và các thành viên liên kết *(căn cứ báo tài chính và năng lực của chủ trì liên kết và thành viên liên kết)*

a) Năng lực tài chính của chủ trì liên kết

b) Năng lực tài chính của các thành viên tham gia liên kết

6.4. Báo cáo thuyết minh dự án (*Căn cứ vào thuyết minh dự án để nhận xét đánh giá tính đầy đủ, phù hợp, tính khả thi, hiệu quả của dự án.....*)

a) Địa điểm, quy mô diện tích, đối tượng cây dược liệu và tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng triển khai thực hiện dự án.

Nhận xét:

b) Phương án tổ chức triển khai thực hiện *(Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư và hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, phương án liên kết, nội dung liên kết cuả dự án...):*

Nhận xét:

c) Đánh giá về tác động môi trường *(tính đầy đủ các quy định và các hướng dẫn về môi trường, dự báo tác động chính của dự án đối với môi trường và các biện pháp giảm thiểu môi trường……)*

Nhận xét:

d) Đánh giá về tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và hiệu quả của dự án *(Tổng mức đầu tư, các chi phí, cơ cấu nguồn vốn của dự án và của từng thành viên tham gia liên kết, dự kiến doanh thu, công suất thiết kế của dự án, phương án vay vốn, các thông số tài chính của dự án….)*
Nhận xét:

đ) Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện dự án *(kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết...).*
Nhận xét:

6.4. Đánh giá tính hiệu quả về mặt kinh tế và xã hội của dự án
a) Đánh giá hiệu quả về mặt kinh tế của dự án (*căn cứ vào tổng nguồn vốn đầu tư của dự án, chi phí đầu vào, doanh thu dự kiến và kế hoạch hoàn trả vốn vay, khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn giản đơn, khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn có chiết khấu, phân tích theo phương pháp hiện giá thuần – NPV, phân tích theo tỷ suất hoàn vốn nội bộ - IRR.....)*

b) Tác động động của dự án đối với xã hội (*Chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án, đảm bảo tối thiểu 50% người tham gia dự án là người dân tộc thiểu số và miền núi*)

7. Nhận xét đánh giá chung
- Ưu điểm
- Nhược điểm (các nội dung cần chỉnh sửa)…

……, Ngày tháng năm 20….
Người nhận xét
(Họ tên và chữ ký)

Mẫu B2.5

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
Hồ sơ dự án dược liệu quý

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:
2. Tên dự án:
3. Đơn vị chủ trì liên kết:
4. Thành viên tham gia liên kết:
5. Tên tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ (nếu có):
6. Các chỉ tiêu đánh giá - nhận xét

TT	*Chỉ tiêu đánh giá*	*Điểm tối đa*	*Điểm đánh giá*
1	**2**	**3**	**4**
1.	Năng lực kinh nghiệm của đơn vị chủ trì liên kết, và các thành viên liên kết (*Đã thực hiện dự án tương tự trong 5 năm gần đây về tính chất, quy mô, giá trị ..., đã thực hiện dự án có điều kiện địa lý tương tự, Uy tín của nhà đầu tư thông qua việc thực hiện các dự án tương tự trước đó...)* a. Đơn vị chủ trì liên kết b. Thành viên tham gia liên kết	**5** 3 2	
2	Nhân sự của tham gia dự án liên kết *(đánh giá trình độ chuyên môn, năng lực kinh nghiệm của chủ nhiệm dự án, các thành viên tham gia dự án liên kết, tỷ lệ nhân sự tham gia dự án là người dân tộc thiểu số, miền núi....)* a) Nhân sự đơn vị chủ trì liên kết b) Nhân sự của các đơn vị thành viên liên kết	**10** 5 5	
3	Năng lực tài chính của chủ trì liên kết và các thành viên liên kết (căn cứ báo tài chính và năng lực lực của chủ trì liên kết và thành viên liên kết a) Năng lực tài chính của chủ trì liên kết b) Năng lực tài chính của các thành viên tham gia liên kết	**20** 10 10	

4	Báo cáo thuyết minh dự án (*Căn cứ vào thuyết minh dự án để nhận xét đánh giá tính đầy đủ, phù hợp, tính khả thi, hiệu quả của dự án.....*)	**65**	
	a) Địa điểm, quy mô diện tích, đối tượng cây dược liệu và tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng triển khai hiện dự án. *Nhận xét:*	**5**	
	b) Phương án tổ chức triển khai thực hiện *(Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư và hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, phương án liên kết, nội dung liên kết của dự án...):* *Nhận xét:*	**5**	
	c) Đánh giá về tác động môi trường *(tính đầy đủ các quy định và các hướng dẫn về môi trường, dự báo tác động chính của dự án đối với môi trường và các biện pháp giảm thiểu môi trường.....)* *Nhận xét:*	**10**	
	d) Đánh giá về tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện *(Tổng mức đầu tư, các chi phí, cơ cấu nguồn vốn của dự án và của từng thành viên tham gia liên kết, dự kiến doanh thu, công suất thiết kế của dự án, phương án vay vốn, các thông số tài chính của dự án....)* *Nhận xét:*	**10**	
	đ) Đánh giá hiệu quả về mặt kinh tế và xã hội của dự án (*Kế hoạch hoàn trả vốn vay, Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn giản đơn, Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn có chiết khấu, Phân tích theo phương pháp hiện giá thuần – NPV, Phân tích theo tỷ suất hoàn vốn nội bộ - IRR; chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương).* - Hiệu quả về mặt kinh tế của dự án - Tác động về mặt kinh tế xã hội của dự án	**25** 15 10	
	e) Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện dự án *(đánh giá tính khả thi kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết...).*	**10**	

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ tên và chữ ký)

Mẫu B2.6

CN NHCSXH (tỉnh, TP)..... **PGD (quận, huyện).....**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng ..... năm .....

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Phương án vay vốn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia Dự án dược liệu quý

Kính gửi: Hội đồng thẩm định Dự án

- Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Căn cứ Thông tư số …. /2022/TT-BYT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

- Căn cứ văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ;

- Căn cứ vào Phương án vay vốn của:.....

I. THÔNG TIN CỦA KHÁCH HÀNG

1. Thông tin cơ bản về khách hàng vay vốn:

- Tên khách hàng:

.....

- Họ và tên người đại diện:

.....

- Chức vụ:

.....

- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp..... Nơi cấp

.....

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

.....

- Giấy ủy quyền (nếu có): số ..... ngày ……/……/..... của.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

.....

- Mã số thuế:

.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Giấy phép kinh doanh/Giấy phép đầu tư[6] số: .....do.....cấp ngày.....

- Ngành nghề kinh doanh chính:

.....

- Tài khoản thanh toán số: .....tại

.....

2. Thông tin Dự án vùng trồng dược liệu quý/Dự án trung tâm nhân giống khách hàng tham gia (sau đây gọi tắt là Dự án):

- Tên Dự án:

.....

- Địa điểm thực hiện: .....

- Tổng vốn đầu tư: .....

- Thời gian thực hiện: .....

- Mô tả sơ lược về Dự án (sản phẩm, quy trình,....): .....

- Vai trò, vị trí của khách hàng trong Dự án: .....

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Hồ sơ pháp lý của khách hàng

a) *Tính đầy đủ hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ? Khả năng bổ sung những hồ sơ còn thiếu? Mức độ ảnh hưởng của việc thiếu hồ sơ đến việc đưa ra phê duyệt quyết định tín dụng).*

b) Doanh nghiệp có đủ năng lực pháp luật dân sự? ☐ Có ☐ Không, nêu cụ thể:…

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Giấy phép kinh doanh/Giấy phép đầu tư số: ..... do ..... cấp lần đầu ngày ..../..../..... (Đăng ký thay đổi lần thứ …… do ……cấp ngày……)

Thời gian hiệu lực còn lại: …… tháng

(đánh giá sự phù hợp của thời hạn giấy tờ pháp lý với thời hạn vay vốn dự kiến).

d) Vốn đăng ký kinh doanh đến thời điểm gần nhất: ……triệu đồng, trong đó:

- Các cổ đông/thành viên đã góp đủ vốn điều lệ/vốn đăng ký

☐ Đã góp đủ ☐ Chưa góp đủ

---

[6] Sử dụng giấy tờ phù hợp với từng loại hình hoạt động của Bên vay.

- Danh sách các cổ đông/thành viên góp vốn:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Giá trị cổ phần/vốn góp theo đăng ký	Giá trị cổ phần/vốn góp thực tế	Tỷ trọng cổ phần/ vốn góp thực tế (%)
	Tổng			

Lưu ý: Giải thích lý do vốn góp thiếu/thừa, kế hoạch góp vốn bổ sung (nếu có) và đánh giá khả năng góp vốn theo kế hoạch này (có thể chỉ dẫn tới nội dung phân tích cụ thể ở phần đánh giá năng lực sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, nếu có).

đ) Đánh giá tính pháp lý của người đại diện vay vốn

Nhận xét: .....

2. Đánh giá năng lực của khách hàng

a) Quá trình hình thành và phát triển

(Trình bày ngắn gọn, đủ ý về ngày thành lập, thời gian hoạt động tại địa phương hiện tại, quá trình thay đổi ngành nghề hoặc ngừng hoạt động kinh doanh...).

.....

b) Mô hình tổ chức

Mô tả loại hình doanh nghiệp, mô hình tổ chức, các đơn vị thành viên, cơ chế quản lý tài chính, quy trình hoạt động, cơ chế kiểm soát (nêu rõ phân cấp thẩm quyền, cơ chế quản lý theo Điều lệ và quy chế tài chính, từ đó nhận định các nội dung đáp ứng/chưa đáp ứng; tuân thủ/chưa tuân thủ; rõ ràng/chưa rõ ràng; đầy đủ/chưa đầy đủ các vấn đề cần lưu ý khác liên quan đến việc cấp tín dụng,...). Đồng thời đưa ra đánh giá cụ thể về những rủi ro có liên quan tới việc cho vay.

c) Sản phẩm, dịch vụ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh *(Chi tiết về sản phẩm, dịch vụ, điểm khác biệt so với các cơ sở sản xuất kinh doanh khác, sức cạnh tranh, nhu cầu của thị trường, hướng tới tầng lớp, đối tác giao dịch nào...)*

.....

d) Mạng lưới hoạt động, địa bàn hoạt động *(Có bao nhiêu đơn vị mạng lưới, tập trung chính ở địa bàn nào, khu vực nào)*

.....

đ) Cơ sở vật chất kỹ thuật *(Biển hiệu và biển tên; địa chỉ và tình trạng văn phòng, cửa hàng, nhà máy, đất sản xuất; tình trạng máy móc thiết bị, hàng tồn kho, cây trồng, vật nuôi,...)*

.....

e) Đánh giá năng lực của người điều hành *(Tính chân thật, độ tin cậy, tình trạng sức khỏe, sự ủng hộ của gia đình, trình độ chuyên môn, học vấn; kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý; hệ thống thông tin phục vụ quản lý...)*

.....

g) Nguồn nhân lực

- Tổng số lao động hiện có: ..... người, trong đó: Lao động là người dân tộc thiểu số:.....người (chiếm .... % tổng số lao động).

- Trình độ: (Tiến sỹ/Thạc sỹ/Đại học/Cao đẳng và trung cấp kỹ thuật/...)

.....

h) Thị trường

* Thị trường đầu vào:

Đối tác mua hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

Nhận xét: *i) nguồn cung cấp đối với các nguyên vật liệu chính (trong nước, nhập khẩu): tính sẵn có, sự biến động của giá, uy tín với các đơn vị cung cấp, mức độ phụ thuộc...; ii) ưu thế/bất lợi trong việc nhập nguyên liệu đầu vào, trong phương thức thanh toán; iii)* các *nội dung khác liên quan đến đặc thù hoạt động của doanh nghiệp.*

* Thị trường đầu ra:

Đối tác bán hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

Nhận xét*: i) sự ổn định của thị trường/giá bán sản phẩm, uy tín của các bạn hàng, sự phụ thuộc vào đối tác...; ii) thuận lợi/rủi ro trong phương thức bán hàng thu tiền; iii) các nội dung khác phù hợp với đặc thù hoạt động của khách hàng.*

3. Đánh giá tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Tình hình tài chính đến ngày ..../..../20.....

Bảng đối chiếu tài sản có và tài sản nợ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Năm	Tài liệu xác nhận	Năm	Tài liệu xác nhận
1	Tiền mặt - tiền gửi				
2	Tiền bán chịu				
3	Tồn kho (vật tư, thành phẩm, sản phẩm dở dang)				
4	Tài sản cố định				

5	Các tài sản khác				
6	**Tổng tài sản có (1+2+3+4+5)**				
7	Tiền mua chịu				
8	Tiền vay				
9	Các nợ khác				
10	Tổng công nợ (7+8+9)				
11	Nguồn vốn chủ sở hữu (6-10)				
12	**Tổng tài sản nợ (10+11)**				

Nhận xét, đánh giá:

.....

b) Quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng

- Quan hệ tín dụng với NHCSXH

Tổng dư nợ: ..... đồng, trong đó: nợ quá hạn: ..... đồng. Cụ thể:

+ Dư nợ chương trình .....: ..... đồng, trong đó: nợ quá hạn: ..... đồng;

+ Dư nợ chương trình .....: ..... đồng, trong đó: nợ quá hạn: ..... đồng.

- Quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác

Căn cứ kết quả tra cứu CIC ngày .../.../....., tình hình quan hệ tín dụng của khách hàng với các tổ chức tín dụng khác như sau:

Số TT	Tên Tổ chức tín dụng	Hình thức cấp tín dụng	Mục đích cấp tín dụng	Dư nợ		Nhóm nợ	Tài sản bảo đảm (loại TSBĐ, giá trị)
				VNĐ (trđ)	Ngoại tệ		

Nhận xét, đánh giá về uy tín, lịch sử trả nợ của khách hàng: .....

c) Kết quả hoạt động kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm ...	Tài liệu xác nhận	Năm ...	Tài liệu xác nhận
1	Tổng doanh thu				
2	*Tổng chi phí*				
3	Thuế TNDN				
4	Lợi nhuận				

Nhận xét, đánh giá: .....

4. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có: ..... người, trong đó: lao động là người dân tộc thiểu số: ..... người (chiếm ..... % tổng số lao động).

Nhận xét, đánh giá: .....

III. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN VAY

- Tên phương án: .....
- Nơi thực hiện phương án: .....
- Sản phẩm của phương án: .....

1. Nội dung phương án vay vốn và sử dụng vốn vay

a) Đánh giá phương án vay vốn tham gia Dự án

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo: .....

+ Chi phí mở rộng, cải tạo: . .....

- Mở rộng, cải tạo đất sản xuất:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo: .....

+ Chi phí mở rộng, cải tạo: . .....

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị): . .....

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị): . .....

- Đầu tư cây, con giống (chủng loại, số lượng, giá trị): . .....

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

- .....

b) Đánh giá phương án sử dụng lao động

Tổng số lao động tham gia phương án: …… người, trong đó lao động là người dân tộc thiểu số:……. người (chiếm ……% tổng số lao động).

2. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án:.....đồng, trong đó:

- Vốn tự có:…….. đồng, tỷ lệ: ……%;
- Vốn vay tại NHCSXH:…… đồng, tỷ lệ: …….%;
- Vốn vay tại TCTD khác: …….. đồng, tỷ lệ: …….%;
- Vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có): …… đồng, tỷ lệ: …….%;
- Vốn huy động khác: …….. đồng, tỷ lệ: …….%.

Vốn vay tại NHCSXH sử dụng vào các việc:

.....

3. Thời gian thực hiện phương án: từ tháng...../20.... đến tháng ...../20.....

4. Phân tích hiệu quả phương án *(theo số năm thực hiện phương án)*

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm				Năm			
	Cán bộ thẩm định tính toán		Theo PA vay vốn của khách hàng	Chênh lệch	Cán bộ thẩm định tính toán		Theo PA vay của khách hàng	Chênh lệch
	Cách tính	Giá trị			Cách tính	Chênh lệch		
Tổng doanh thu								
Tổng chi phí								
Trong đó: khấu hao								
Thuế TNDN								
Lợi nhuận								

Nhận xét, đánh giá: .....

5. Nguồn và kế hoạch trả nợ ngân hàng *(theo số năm vay vốn)*

TT	Chỉ tiêu	Năm ……	Năm ……	Năm ……
1	Nguồn từ phương án			
a	*Khấu hao*			
b	*Lợi nhuận*			
2	Nguồn khác			
3	Tổng nguồn trả nợ			

Nhận xét, đánh giá:.....

6. Tài sản bảo đảm tiền vay

TT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị (ước tính)	Giấy tờ về tài sản

Nhận xét, đánh giá (tính pháp lý, giá trị tài sản bảo đảm, khả năng chuyển nhượng, khả năng quản lý tài sản) .....

V. KẾT LUẬN (đánh giá chung về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của cơ sở sản xuất kinh doanh, mục đích vay vốn, tính khả thi của phương án, tiềm năng sản xuất, hiệu quả kinh tế, khả năng hoàn trả nợ, điều kiện về hồ sơ pháp lý, đảm bảo tiền vay)

.....

VI. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHO VAY

Căn cứ hồ sơ vay vốn và kết quả thẩm định, đề nghị Hội đồng thẩm định ..... xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án vay vốn của khách hàng để NHCSXH cho vay trong trường hợp khách hàng đảm bảo các điều kiện về bảo đảm tiền vay theo quy định, với các nội dung chính như sau:

1. Tổng số tiền cho vay: ..... đồng (Bằng chữ: .....).

2. Thời hạn cho vay: ..... tháng.

3. Lãi suất cho vay: .....%/năm; Lãi suất quá hạn: .....%/năm.

4. Trả gốc theo định kỳ: ..... tháng/lần; Trả lãi theo định kỳ: hằng tháng.

5. Mục đích sử dụng vốn vay: .....

6. Tổng số lao động tham gia phương án: ..... người, trong đó: Lao động là người dân tộc thiểu số: ..... người (chiếm .....% tổng số lao động).

** Trường hợp không đồng ý cho vay: Nêu rõ lý do không đồng ý cho vay.*

Ngày.....tháng.....năm.....

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH	**TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	**(TỔ TRƯỞNG KH-NV)**	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
	(Ký, ghi rõ họ tên)	

Mẫu B2.7

ỦY BAN NHÂN DÂN tỉnh… **HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
Dự án dược liệu quý

I. Những thông tin chung

1. Tên dự án:

2. Tên đơn vị chủ trì liên kết và cá nhân đăng ký chủ trì liên kết dự án:
   Tên đơn vị:
   Họ và tên cá nhân:
3. Tên của các thành viên liên kết
4. Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ:
5. Quyết định thành lập hội đồng:
   Số ...../QĐ-UBND ngày ..... tháng ..... năm ..... của Chủ tịch UBND tỉnh…
6. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:
   - Địa điểm:
   - Thời gian:
7. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên Hội đồng ...../.....; vắng ..... thành viên, gồm các thành viên:
   .....
   .....
8. Khỏch mời tham dự

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1.		
2.		
3.		
4.		
5.		

II. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng đã nghe các uỷ viên hội đồng đọc bản nhận xét, phân tích Hồ sơ dự án; Hội đồng đã nêu câu hỏi với Tổ chức chủ trì liên kết về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.
2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận kĩ Hồ sơ dự án theo từng chỉ tiêu.
3. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên sau:
   .....
   .....
   .....
4. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá Hồ sơ dự án.

5. Ban kiểm phiếu đã làm việc và kết quả như sau:
   - Số phiếu phát ra:
   - Số phiếu thu về:
   - Số phiếu hợp lệ:
   - Số phiếu không hợp lệ:

Họ tên các thành viên Hội đồng và điểm đánh giá tương ứng								Điểm trung bình của các thành viên HĐ
Họ và tên								
Tổng số điểm								

6. Kết quả đánh giá của Hội đồng: Căn cứ kết quả kiểm phiếu, Hội đồng đánh giá: (chỉ để lại một trong hai trường hợp)
- Hồ sơ dự án đạt yêu cầu (điểm trung bình phải đạt tối thiểu là 65 điểm).
- Hồ sơ dự án Không đạt yêu cầu (điểm trung bình dưới 65 điểm).

7. Hội đồng kiến nghị các điểm sau đây:

.....
...

Hội đồng đề nghị Ủy Ban Nhân dân Tỉnh .... xem xét và phê duyệt.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Chữ ký và họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Chữ ký và họ tên)

Mẫu B2.8

CƠ QUAN RA NGHỊ QUYẾT (QUYẾT ĐỊNH) ĐẦU TƯ DỰ ÁN ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---
Số:	*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH
ĐẦU TƯ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN VÙNG TRỒNG DƯỢC LIỆU QUÝ

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ các văn bản liên quan khác (nếu có);

Theo đề nghị của Cơ quan (Tên Cơ quan quản lý dự án)/Hội đồng thẩm định dự án.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...

Điều 1. Phê duyệt Quyết định đầu tư, hỗ trợ dự án (Tên dự án) do Cơ quan (Tên cơ quan) quản lý dự án

1. Mục tiêu đầu tư:

2. Quy mô đầu tư:

3. Nhà đầu tư: Chủ trì liên kết và các bên tham gia liên kết (*Tên, địa chỉ, mức vốn đầu tư*):

4. Đối tượng tham gia dự án (....% người dân tộc thiểu số):

5. Tổng mức đầu tư dự án:

6. Cơ cấu nguồn vốn (*trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn theo từng nguồn: Vốn ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi kèm Danh sách chi tiết)*

7. Địa điểm thực hiện dự án:

8. Thời gian thực hiện dự án:

9. Tiến độ thực hiện dự án:

10. Các nội dung dự án.

11. Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

12. Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án:

13. Danh sách đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách

14. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm cam kết.

15. Các nội dung khác có liên quan (*nếu có*):

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan (*Tên Cơ quan quản lý dự án*) chịu trách nhiệm:

a) Có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị Chủ trì liên kết thực hiện hoạt động hỗ trợ, triển khai dự án, giám sát, thanh toán, giải ngân vốn ngân sách nhà nước dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung của dự án theo đúng quy định

b) Các nội dung khác (nếu có):

2. Nhiệm vụ của các cơ quan khác (*nếu có*):

a) Chủ trì liên kết:

b) Các bên tham gia liên kết:

3. Trách nhiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Cơ quan (*Tên Cơ quan quản lý dự án*) và các cơ quan liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết/Quyết định này.

2. Cơ quan (*Tên Cơ quan được phân công kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này*) chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này báo cáo Cơ quan (*Tên Cơ quan quyết định đầu tư dự án*) theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các cơ quan có tên tại Điều 3;
- Cơ quan quyết định đầu tư dự án;
- Cơ quan thẩm định dự án /Hội đồng thẩm định đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu: .....

TM. ỦY BAN NHÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH
PHÊ DUYỆT DỰ ÁN

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỤ HƯỞNG
CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN VÙNG TRỒNG DƯỢC LIỆU QUÝ

Tên Dự án:.....
Tên chủ trì liên kết: .....

(Ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày .../.../....của ..... về việc .....)

TT	Tên chủ trì liên kết/ thành viên liên kết	Tên phương án/nội dung liên kết	Địa chỉ thực hiện phương án/nội dung	Tóm tắt phương án/nội dung liên kết	Số lao động thực hiện phương án		Tổng vốn đầu tư tham gia Dự án *(triệu đồng)*	*Trong đó*				
					Tổng số lao động	Lao động là người dân tộc thiểu số		Vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước *(triệu đồng)*	Vốn vay NHCSXH			Vốn tự có và vốn khác *(triệu đồng)*
									Số tiền vay *(triệu đồng)*	Thời gian vay *(tháng)*	Mục đích vay	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1												
2												
...												
	CỘNG											